

# ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG VÀ MỐI LIÊN QUAN GIỮA KẾT QUẢ HỌC TẬP VỚI KẾT QUẢ THI TUYỂN SINH CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

ThS. ĐỖ ANH VĂN\*

**Abstract:** The article referred the situation and the relationship between the academic results and the entrance examination of the students at Thai Binh Medical University. The study results showed that the majority of students had good entrance exam scores were the students who achieved outstanding points in Mathematics and they got best in medical study result of base knowledge. They also achieved good graduation results. Students have the best academic results in the fifth year and lowest in the first year.

**Keywords:** Evaluating, relationship, academic results, entrance examination results, medical students.

Quá trình đổi mới căn bản, toàn diện GD-ĐT ở nước ta đã và đang đặt ra những yêu cầu mới về “Đổi mới phương thức tuyển sinh đại học, cao đẳng theo hướng kết hợp sử dụng kết quả học tập ở phổ thông và yêu cầu của ngành đào tạo... Giao quyền tự chủ tuyển sinh cho các cơ sở giáo dục đại học” (1; tr 10). Kết quả tuyển sinh và kết quả học tập của sinh viên (SV) các trường đại học (ĐH) nói chung, ĐHY nói riêng đang là vấn đề được xã hội quan tâm. Để làm rõ, chúng tôi tiến hành nghiên cứu đánh giá thực trạng và mối liên quan giữa kết quả học tập với kết quả thi tuyển sinh của SV Trường ĐHY Dược Thái Bình.

Nghiên cứu được tiến hành từ tháng 4-7/2015 trên toàn bộ hồ sơ của SV chính quy đã tham gia thi và trúng tuyển ngành Y đa khoa K39 (167 khách thể) được quản lý tại phòng Quản lý đào tạo ĐHY của Trường ĐHY Dược Thái Bình. Các phương pháp (PP) nghiên cứu được sử dụng là: PP hồi cứu các tài liệu, số liệu liên quan đến kết quả học tập và kết quả tuyển sinh; PP thống kê toán học dùng trong khoa học giáo dục.

## 1. Thực trạng kết quả thi tuyển sinh và kết quả học tập của SV (bảng 1, 2)

Bảng 1. Thống kê điểm tuyển sinh các môn của SV (n = 167)

Điểm	Toán		Hóa		Sinh	
	SL	%	SL	%	SL	%
≥ 9	52	31,1	17	10,2	18	10,8
8 - 8,75	68	40,8	68	40,7	72	43,1
< 8	47	28,1	82	49,1	77	46,1

Bảng 1 cho thấy, đa số SV trúng tuyển có kết quả môn thi đạt điểm giỏi (8 điểm trở lên). SV có kết quả thi chưa đạt được điểm giỏi (< 8 điểm) chiếm tỉ lệ cao nhất là môn Hóa học (49,1%); số SV đạt điểm xuất sắc (≥ 9 điểm) chiếm tỉ lệ cao nhất là môn Toán (31,3%), thấp nhất là môn Hóa học (10,2%).

Bảng 2. Kết quả học tập của SV theo khối kiến thức (n=167)

Khối	Giỏi		Khá		TBK		Trung bình	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
Cơ bản	11	6,6	101	60,5	49	29,3	6	3,6
Cơ sở ngành	16	9,6	113	67,6	31	18,6	7	4,2
Ngành	17	10,2	121	72,4	27	16,2	2	1,2

Bảng 2 cho thấy, đa số SV có kết quả học tập đạt loại khá, trong đó kết quả học tập khối kiến thức ngành chiếm tỉ lệ cao nhất (72,4%) và thấp nhất cũng đạt 60,5% (khối kiến thức cơ bản); SV có kết quả học tập đạt loại trung bình khá (TBK) dao động trong khoảng 16,2% (khối kiến thức ngành) đến 29,3% (khối kiến thức cơ bản); SV có kết quả học tập đạt loại trung bình chiếm tỉ lệ thấp nhất dao động trong khoảng 1,2% (khối kiến thức ngành) đến 4,2% (khối kiến thức cơ sở ngành); SV có kết quả học tập đạt loại giỏi chiếm tỉ lệ cao nhất là kết quả khối kiến thức ngành (10,2%) và thấp nhất là kết quả học tập khối kiến thức cơ bản (6,6%).

## 2. Mối liên quan giữa kết quả học tập với kết quả thi tuyển sinh

### 2.1. Mối liên quan giữa kết quả học tập với kết quả thi tuyển sinh môn Toán

\* Trường Đại học Y Dược Thái Bình

2.1.1. Khối kiến thức cơ bản với điểm thi tuyển sinh môn Toán (bảng 3, 4)

Bảng 3. Kết quả học tập khối kiến thức cơ bản và kết quả thi tuyển sinh môn Toán

Điểm tuyển sinh môn Toán	Kết quả học tập khối kiến thức cơ bản (n=167)							
	Giỏi		Khá		TBK		Trung bình	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
≥ 8	10	8,3	75	62,5	31	25,9	4	3,3
< 8	1	2,1	26	55,3	18	38,3	2	4,3
Tổng	11	6,6	101	60,5	49	29,3	6	3,6

Bảng 3 cho thấy, SV có điểm tuyển sinh môn Toán có kết quả học tập đạt loại khá chiếm tỉ lệ cao nhất; SV có điểm tuyển sinh môn Toán ≥ 8 có kết quả học tập đạt loại giỏi cao hơn SV có điểm tuyển sinh môn Toán < 8 (8,3% > 2,1%), điều này cũng đúng đối với loại khá (62,5% > 55,3%), nhưng ở loại TBK và trung bình thì ngược lại (25,9% < 38,3% và 3,3% < 4,3%).

Bảng 4. Liên quan giữa kết quả học tập khối kiến thức cơ bản với điểm thi tuyển sinh môn Toán

Kết quả học tập khối kiến thức cơ bản	Điểm thi tuyển sinh môn Toán				OR CI 95 %	p
	Giỏi trở lên (n = 120)		Khá trở xuống (n = 47)			
	n	%	n	%		
Khá trở lên	85	70,8	27	57,4	1,8	> 0,05
Dưới khá	35	29,2	20	42,6	(0,9 - 3,6)	

Bảng 4 cho thấy, số SV có kết quả học tập khối kiến thức cơ bản đạt loại khá chủ yếu là những SV có điểm thi môn Toán đạt loại giỏi trở lên (70,8%), cao hơn SV có điểm thi môn Toán đạt khá trở xuống (57,4%), tuy nhiên sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê vì p > 0,05.

2.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành với điểm thi tuyển sinh môn Toán (bảng 5, 6)

Bảng 5. Kết quả học tập khối kiến thức cơ sở ngành và kết quả tuyển sinh môn Toán

Điểm tuyển sinh môn Toán	Kết quả học tập kiến thức cơ sở ngành (n=167)							
	Giỏi		Khá		TBK		Trung bình	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
≥ 8	13	10,8	85	70,8	18	15,0	4	3,4
< 8	3	6,4	28	59,6	13	27,7	3	6,3
Tổng	16	9,6	113	67,6	31	18,6	7	4,2

Bảng 5 cho thấy, SV có kết quả học tập đạt loại khá chiếm tỉ lệ cao nhất là 70,8% (SV có điểm tuyển sinh môn Toán ≥ 8); SV có kết quả học tập đạt loại TBK chiếm tỉ lệ cao nhất là 27,7% (SV có điểm tuyển sinh môn Toán < 8); SV có điểm tuyển sinh môn Toán

≥ 8 có kết quả học tập đạt loại giỏi cao hơn SV có điểm tuyển sinh môn Toán < 8 (10,8% > 6,4%).

Bảng 6. Mối liên quan giữa kết quả học tập khối kiến thức cơ sở ngành với điểm thi tuyển sinh môn Toán

Kết quả học tập khối kiến thức cơ sở	Điểm thi tuyển sinh môn Toán				OR CI 95 %	p
	Giỏi trở lên (n = 120)		Khá trở xuống (n = 47)			
	n	%	n	%		
Khá trở lên	98	81,7	31	66,0	2,3	< 0,05
Dưới khá	22	18,3	16	34,0	(1,1 - 4,9)	

Bảng 6 cho thấy, SV có kết quả học tập khối kiến thức cơ sở ngành đạt loại khá chủ yếu là những SV có điểm thi môn Toán đạt loại giỏi trở lên (81,7%), cao hơn SV có điểm thi môn Toán đạt khá trở xuống (66,0%); sự khác biệt có ý nghĩa thống kê vì p < 0,05.

2.1.3. Khối kiến thức ngành với điểm thi tuyển sinh môn Toán (bảng 7, 8)

Bảng 7. Kết quả học tập khối kiến thức ngành và kết quả tuyển sinh môn Toán

Điểm tuyển sinh môn Toán	Kết quả học tập kiến thức ngành (n=167)							
	Giỏi		Khá		TBK		Trung bình	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
≥ 8	12	10,0	92	76,6	15	12,5	1	0,9
< 8	5	10,6	29	61,7	12	25,6	1	2,1
Tổng	17	10,2	121	72,4	27	16,2	2	1,2

Bảng 7 cho thấy, SV có kết quả học tập đạt loại khá chiếm tỉ lệ cao nhất là 76,6% (SV có điểm tuyển sinh môn Toán ≥ 8); SV có kết quả học tập đạt loại TBK chiếm tỉ lệ cao nhất là 25,6% (SV có điểm tuyển sinh môn Toán < 8).

Bảng 8. Mối liên quan giữa kết quả học tập khối kiến thức ngành với điểm thi tuyển sinh môn Toán

Kết quả học tập khối kiến thức ngành	Điểm thi tuyển sinh môn Toán				OR CI 95 %	p
	Giỏi trở lên (n = 120)		Khá trở xuống (n = 47)			
	n	%	n	%		
Khá trở lên	104	86,7	34	72,3	2,4	< 0,05
Dưới khá	16	13,3	13	27,7	(1,1 - 5,7)	

Bảng 8 cho thấy, SV có kết quả học tập khối kiến thức ngành đạt loại khá chủ yếu là những SV có điểm thi môn Toán đạt loại giỏi trở lên (86,7%), cao hơn SV có điểm thi môn Toán đạt khá trở xuống (72,3%); SV có kết quả học tập kiến thức ngành đạt loại khá trở xuống có điểm thi môn Toán đạt loại giỏi trở lên thấp hơn SV có kết quả học tập dưới khá có điểm thi môn Toán đạt loại khá trở xuống (13,3% < 27,7%); sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê vì p < 0,05.

**2.1.4. Kết quả tốt nghiệp với điểm thi tuyển sinh môn Toán (bảng 9, 10)**

**Bảng 9. Kết quả tốt nghiệp và điểm tuyển sinh môn Toán**

Điểm tuyển sinh môn Toán	Kết quả tốt nghiệp (n=167)							
	Giỏi		Khá		TBK		Trung bình	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
≥ 8	15	12,5	88	73,3	15	12,5	2	1,7
< 8	5	10,6	28	59,6	12	25,5	2	4,3
Tổng	20	11,9	116	69,5	27	16,2	4	2,4

**Bảng 9** cho thấy, SV có kết quả học tập đạt loại khá chiếm tỉ lệ cao nhất là 73,3% (SV có điểm tuyển sinh môn Toán ≥ 8); SV có kết quả học tập đạt loại TBK chiếm tỉ lệ cao nhất là 25,5% (SV có điểm tuyển sinh môn Toán < 8); SV có điểm tuyển sinh môn Toán ≥ 8 đạt kết quả tốt nghiệp đạt loại giỏi chiếm tỉ lệ cao nhất là 12,5%.

**Bảng 10. Mối liên quan giữa kết quả tốt nghiệp với điểm thi môn Toán**

Kết quả tốt nghiệp	Điểm thi tuyển sinh môn Toán				OR CI 95 %	p
	Giỏi trở lên (n = 120)		Khá trở xuống (n = 47)			
	n	%	n	%		
Khá trở lên	103	85,8	33	70,2	2,6 (1,5 - 5,8)	< 0,05
Dưới khá	17	14,2	14	29,8		

**Bảng 10** cho thấy, SV có kết quả tốt nghiệp đạt loại khá chủ yếu là những SV có điểm thi môn Toán đạt loại giỏi trở lên (85,8%), cao hơn SV có điểm thi môn Toán đạt khá trở xuống (70,2%); SV có kết quả tốt nghiệp đạt loại dưới khá là những SV có điểm thi môn Toán đạt loại khá trở xuống (29,8%), cao hơn SV có kết quả học tập dưới khá nhưng có điểm thi môn Toán đạt giỏi trở lên (14,2%); sự khác biệt có ý nghĩa thống kê vì p < 0,05.

**2.2. Mối liên quan giữa kết quả học tập với kết quả thi tuyển sinh môn Hóa học**

**2.2.1. Khối kiến thức cơ bản với điểm tuyển sinh môn Hóa học (bảng 11)**

**Bảng 11. Mối liên quan giữa kết quả học tập khối kiến thức cơ bản với điểm thi tuyển sinh môn Hóa học**

Kết quả học tập khối kiến thức cơ bản	Điểm thi tuyển sinh môn Hóa học				OR CI 95 %	p
	Giỏi trở lên (n = 85)		Khá trở xuống (n = 72)			
	n	%	n	%		
Khá trở lên	53	62,3	59	72,0	0,6 (0,4 - 1,2)	> 0,05
Dưới khá	32	37,7	23	28,0		

**Bảng 11** cho thấy, SV có kết quả học tập khối kiến thức cơ bản đạt loại khá trở lên có điểm thi môn Hóa

học đạt loại khá trở xuống chiếm 72,0%, cao hơn SV có điểm thi môn Hóa học đạt loại giỏi trở lên (62,3%); SV có kết quả học tập khối kiến thức cơ bản đạt loại dưới khá có điểm thi môn Hóa học đạt loại khá trở xuống chiếm 28,0%, thấp hơn SV có điểm thi môn Hóa học đạt loại giỏi trở lên (37,7%); sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê vì p > 0,05.

**2.2.2. Khối kiến thức cơ sở ngành với điểm tuyển sinh môn Hóa học (bảng 12)**

**Bảng 12. Mối liên quan giữa kết quả học tập khối kiến thức cơ sở ngành với điểm thi tuyển sinh môn Hóa học**

Kết quả học tập khối kiến thức cơ sở ngành	Điểm thi tuyển sinh môn Hóa học				OR CI 95 %	p
	Giỏi trở lên (n = 85)		Khá trở xuống (n = 82)			
	n	%	n	%		
Khá trở lên	60	70,6	69	54,1	0,6 (0,4 - 1,2)	> 0,05
Dưới khá	25	29,4	13	15,9		

**Bảng 12** cho thấy, SV có kết quả học tập khối kiến thức cơ sở ngành đạt loại khá trở lên có điểm thi môn Hóa học đạt loại giỏi trở lên chiếm 70,6%, cao hơn SV có điểm thi môn Hóa học đạt loại khá trở xuống (54,1%); nhưng kết quả học tập khối kiến thức cơ sở ngành đạt dưới khá có điểm thi tuyển sinh môn Hóa học đạt loại giỏi lại chiếm tỉ lệ cao hơn SV có kết quả học tập khối kiến thức cơ sở đạt loại dưới khá có điểm thi tuyển sinh môn Hóa học đạt loại khá trở xuống (29,4% > 15,9%); sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê vì p > 0,05.

**2.2.3. Khối kiến thức ngành với điểm tuyển sinh môn Hóa học (bảng 13)**

**Bảng 13. Mối liên quan giữa kết quả học tập khối kiến thức ngành với điểm thi tuyển sinh môn Hóa học**

Kết quả học tập khối kiến thức ngành	Điểm thi tuyển sinh môn Hóa học				OR CI 95 %	p
	Giỏi trở lên (n = 85)		Khá trở xuống (n = 82)			
	n	%	n	%		
Khá trở lên	65	76,5	73	89,0	0,4 (0,2 - 1,0)	> 0,05
Dưới khá	20	23,5	9	11,0		

**Bảng 13** cho thấy, SV có kết quả học tập khối kiến thức ngành đạt loại khá trở lên có điểm thi môn Hóa học đạt loại khá trở xuống chiếm 89,0%, cao hơn SV có điểm thi môn Hóa học đạt loại giỏi trở lên (76,5%); SV có kết quả học tập khối kiến thức ngành đạt loại dưới khá có điểm thi tuyển sinh môn Hóa học đạt loại giỏi trở lên chiếm tỉ lệ 23,5%, cao hơn SV có kết quả học tập khối kiến thức ngành đạt dưới khá có kết quả thi tuyển sinh môn Hóa học đạt loại khá trở xuống (11,0%); sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê vì p > 0,05.

**2.2.4. Kết quả tốt nghiệp với điểm tuyển sinh môn Hóa học (bảng 14)**

**Bảng 14. Mối liên quan giữa kết quả tốt nghiệp với điểm thi môn Hóa học**

Kết quả tốt nghiệp	Điểm thi tuyển sinh môn Hóa học				OR CI 95 %	P
	Giỏi trở lên (n = 85)		Khá trở xuống (n = 82)			
	n	%	n	%		
Khá trở lên	64	75,3	72	87,8	0,4 (0,18-1,0)	> 0,05
Dưới khá	21	24,7	10	12,2		

Bảng 14 cho thấy, SV có kết quả tốt nghiệp đạt loại khá trở lên có điểm thi môn Hóa học đạt loại khá trở xuống chiếm 87,8%, cao hơn SV có điểm thi môn Hóa học đạt loại giỏi trở lên (75,3%); SV có kết quả tốt nghiệp đạt loại dưới khá có điểm thi môn Hóa học đạt loại khá trở xuống chiếm 12,2%, thấp hơn SV có kết quả tốt nghiệp đạt loại dưới khá có điểm thi môn Hóa học đạt loại giỏi trở lên (24,7%); sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê vì  $p > 0,05$ .

### 2.3. Mối liên quan giữa kết quả học tập với kết quả thi tuyển sinh môn Sinh học

#### 2.3.1. Khối kiến thức cơ bản với điểm tuyển sinh môn Sinh học (bảng 15)

**Bảng 15. Mối liên quan giữa kết quả học tập khối kiến thức cơ bản với điểm thi tuyển sinh môn Sinh học**

Kết quả học tập khối kiến thức cơ bản	Điểm thi tuyển sinh môn Sinh học				OR CI 95 %	p
	Giỏi trở lên (n = 90)		Khá trở xuống (n = 77)			
	n	%	n	%		
Khá trở lên	62	68,9	50	64,9	1,2 (0,6 - 2,3)	> 0,05
Dưới khá	28	31,1	27	35,1		

Bảng 15 cho thấy, SV có kết quả học tập khối kiến thức cơ bản đạt loại khá trở lên có điểm thi môn Sinh học đạt loại giỏi trở lên chiếm 68,9%, cao hơn SV đạt kết quả học tập khối kiến thức cơ bản loại khá trở lên có điểm thi môn Sinh học đạt khá trở xuống (64,9%) và sự khác biệt này không có ý nghĩa thống kê vì  $p > 0,05$ .

#### 2.3.2. Khối kiến thức cơ sở ngành với điểm tuyển sinh môn Sinh học (bảng 16)

**Bảng 16. Mối liên quan giữa kết quả học tập khối kiến thức cơ sở ngành với điểm thi tuyển sinh môn Sinh học**

Kết quả học tập khối kiến thức cơ sở	Điểm thi tuyển sinh môn Sinh học				OR CI 95 %	p
	Giỏi trở lên (n = 90)		Khá trở xuống (n = 77)			
	n	%	n	%		
Khá trở lên	67	74,4	62	80,5	0,7 (0,4 - 1,5)	> 0,05
Dưới khá	23	25,6	15	19,5		

Bảng 16 cho thấy, SV đạt kết quả học tập khối kiến thức cơ sở ngành loại khá trở lên có điểm thi môn Sinh học đạt loại giỏi trở lên chiếm 74,4%, thấp hơn SV đạt

kết quả học tập khối kiến thức cơ sở ngành loại khá trở lên có điểm thi môn Sinh học đạt khá trở xuống (80,5%) và sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê vì  $p > 0,05$ .

#### 2.3.3. Khối kiến thức chuyên ngành với điểm tuyển sinh môn Sinh học (bảng 17)

**Bảng 17. Mối liên quan giữa kết quả học tập khối kiến thức chuyên ngành với điểm thi tuyển sinh môn Sinh học**

Kết quả học tập khối kiến thức ngành	Điểm thi tuyển sinh môn Sinh học				OR CI 95 %	P
	Giỏi trở lên (n = 90)		Khá trở xuống (n = 77)			
	n	%	n	%		
Khá trở lên	76	84,4	62	80,5	1,3 (0,6 - 2,9)	> 0,05
Dưới khá	14	15,6	15	19,5		

Bảng 17 cho thấy, SV đạt kết quả học tập khối kiến thức ngành loại khá trở lên có điểm thi môn Sinh học đạt loại giỏi trở lên chiếm 84,4%, cao hơn SV đạt kết quả học tập khối kiến thức ngành loại khá trở lên có điểm thi môn Sinh học đạt khá trở xuống (80,5%) nhưng sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê vì  $p > 0,05$ .

#### 2.3.4. Kết quả tốt nghiệp với điểm tuyển sinh môn Sinh học (bảng 18)

**Bảng 18. Mối liên quan giữa kết quả tốt nghiệp với điểm thi môn Sinh học**

Kết quả tốt nghiệp	Điểm thi tuyển sinh môn Sinh học				OR CI 95 %	P
	Giỏi trở lên (n = 90)		Khá trở xuống (n = 77)			
	n	%	n	%		
Khá trở lên	75	83,3	61	79,2	1,3 (0,6 - 2,8)	> 0,05
Dưới khá	15	16,7	16	20,8		

Bảng 18 cho thấy, SV có kết quả tốt nghiệp loại khá trở lên có điểm thi môn Sinh học đạt loại giỏi trở lên chiếm 83,3%, cao hơn SV có kết quả tốt nghiệp đạt loại khá trở lên có điểm thi môn Hóa học đạt loại khá trở xuống (79,2%); sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê vì  $p > 0,05$ .

\*\*\*

Như vậy, kết quả học tập khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức ngành và kết quả tốt nghiệp có liên quan đến kết quả tuyển sinh môn Toán, thể hiện ở SV có kết quả thi tuyển sinh môn Toán cao thì học tập tốt các môn khối kiến thức cơ sở ngành, khối kiến thức ngành và đạt kết quả tốt nghiệp cao. Qua đó, nhà trường cần có chính sách ưu tiên đối với những thí sinh có kết quả học tập môn Toán cao để lựa chọn được SV có khả năng học tập tốt chương trình đào tạo ngành Y, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo. □

(1) Ban Chấp hành Trung ương. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.